TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-02-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Đức Mạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1967; nơi cư trú: TT, Sơn Lộc, TXST, thành phố Hà Nội;

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Thanh P, sinh năm 1983; nơi ĐKHKTT: Tổ 8, phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng; hiện tạm trú tại: L, W, Cộng hòa Liên bang Đức;

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị Thanh P trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại UBND phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng từ ngày 04 tháng 4 năm 2014. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Tháng 10/2017 chị P tự ý mang theo con chung của vợ chồng sang định cư tại Cộng hòa Liên bang Đức. Từ đó, vợ chồng không còn liên lạc với nhau và sống ly

thân. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Phạm Ngọc D, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2014 và Phạm Ngọc Mễ R, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2017. Hiện nay, các con chung đang sống cùng với chị P. Khi ly hôn, anh và chị P thỏa thuận: Chị P trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh và chị P xin tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Xuân H đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Trong đơn xin ly hôn, đơn xin vắng mặt của bị đơn gửi về Tòa án (đã được chứng thực lãnh sự), chị Phạm Thị Thanh P trình bày: Chị thống nhất với anh Nguyễn Xuân H về quá trình kết hôn. Tuy nhiên, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do anh H nghiện rượu, hay đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình khiến cho mẹ con chị hoảng loạn, cuộc sống căng thẳng, áp lực. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn với nhau. Về con chung, tài sản chung: chị P cũng thống nhất và đồng ý với quan điểm của anh H về con chung, tài sản chung khi ly hôn.

Do chị P đang ở nước ngoài nên chị đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

Tại đơn đề nghị của gia đình bị đơn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị P đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Đồng thời, đề nghị giao cả hai con chung cho chị P nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Thanh P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của anh H thể hiện: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày như trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Anh Nguyễn Xuân H hiện đang sinh sống ở Việt Nam, chị Phạm Thị Thanh P ở nước ngoài. Mặt khác, anh H và chị P đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều

469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc hòa giải vụ án và sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Phạm Thị Thanh P đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đức, anh Nguyễn Xuân H đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Thanh P đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Thanh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng từ ngày 04 tháng 4 năm 2014, theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đâylà quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng có nhiều áp lực về cả thể chất và tinh thần. Tháng 10/2017 chị P và con chung sang định cư tại Cộng hòa Liên bang Đức. Từ đó, vợ chồng không liên lạc với nhau và sống ly thân, mỗi người một nơi nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh H.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Thanh P có hai con chung là Nguyễn Phạm Ngọc D, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2014 và Phạm Ngọc Mễ R, sinh ngày 31/12/2017. Hiện nay sức khỏe cháu tốt và các con chung đang sinh sống cùng với chị P. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Chị P được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị xin tự giải quyết. Xét thấy, yêu cầu của anh chị không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao hai con chung cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Thanh P đều xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Thanh P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H được ly hôn chị Phạm Thị Thanh P.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Ngọc D, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2014 và Phạm Ngọc Mễ R, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho chị Phạm Thị Thanh P nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Thanh P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Xuân H và chị Phạm Thị Thanh P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng á n phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0001561 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Xuân H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Phạm Thị Thanh P (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Phương

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa **Nguyễn Thành Biên** **Lương Ngọc Dũng**